TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV
*BIDV INSURANCE CORPORATION*

Số: 072 /BC-BIC
*No:072 /BC-BIC*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**
**Independence - Freedom – Happiness**

*Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2023*
*Hanoi, July 31 , 2023*

# BÁO CÁO
## Tình hình quản trị công ty
## *REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE*
## (6 tháng 2023)
## *(6m 2023)*

Kính gửi:
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

Attn.:
- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam/ *Bank for Investment and Development of Vietnam Insurance Joint Stock Corporation*

- Địa chỉ trụ sở chính/*Address of headoffice:* Tầng 11, Tòa nhà số 263 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội/ 11/F, 263 Cau Giay, Cau Giay District, Hanoi.

- Điện thoại/*Telephone:* 024.22200282 Fax: 024.22200281 Email:

- Vốn điều *lệ/Charter capital:* 1.172.768.950.000 VND

- Mã chứng khoán/Stock *symbol:* BIC

- Mô hình quản trị công ty/*Governance model:*

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc */General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.*

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/The *implementation of internal audit: Implemented*

### I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/*Activities of the General Meeting of Shareholders*

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

| Stt *No.* | Số Nghị quyết/Quyết định *Resolution/Decision No.* | Ngày *Date* | Nội dung *Content* |
|---|---|---|---|
| 1 | 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ | 05/04/2023 | Phê duyệt các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023/ The annual general meeting of shareholders 2023 |

### II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)/ Board *of Directors (annual report):*

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/*Information about the members of the Board of Directors:*

Signature valid
Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

| Stt *No.* | Thành viên HĐQT/ *Board of Directors' members* | Chức vụ/ *Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors))* | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập *The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors* | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Ngày bổ nhiệm *Date of appointment* | Ngày miễn nhiệm *Date of dismissal* |
| 1 | Mr Trần Xuân Hoàng | Chủ tịch/Chairman | 24/06/2020 | |
| 2 | Mr Ramaswamy Athappan | Phó Chủ tịch/ Vice Chairman | 24/06/2020 | |
| 3 | Mr Trần Hoài An | Thành viên/ Member | 24/06/2020 | |
| 4 | Mr Gobinath Athappan | Thành viên/ Member | 24/06/2020 | |
| 5 | Ms Phạm Thị Vân Khánh | Thành viên/ Member | 24/06/2020 | |
| 6 | Mr Nguyễn Huy Tựa | Thành viên/ Member | 19/04/2019 | |
| 7 | Mr Đặng Thế Vinh | Thành viên/ Member | 19/04/2019 | |
| 8 | Ms Nguyễn Thị Ngọc Tú | Thành viên/ Member | 24/06/2020 | |

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings *of the Board of Directors:*

| Stt *No.* | Thành viên HĐQT/ *Board of Director' member* | Số buổi họp HĐQT tham dự/ *Number of meetings attended by Board of Directors* | Tỷ lệ tham dự họp/ *Attendance rate* | Lý do không tham dự họp/Reasons *for absence* |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Mr Trần Xuân Hoàng | Chủ tịch/Chairman | 2/2 | |
| 2 | Mr Ramaswamy Athappan | Phó Chủ tịch/ Vice Chairman | 2/2 | |
| 3 | Mr Trần Hoài An | Thành viên/ Member | 2/2 | |
| 4 | Mr Gobinath Athappan | Thành viên/ Member | 2/2 | |
| 5 | Ms Phạm Thị Vân Khánh | Thành viên/ Member | 2/2 | |
| 6 | Mr Nguyễn Huy Tựa | Thành viên/ Member | 2/2 | |
| 7 | Mr Đặng Thế Vinh | Thành viên/ Member | 2/2 | |
| 8 | Ms Nguyễn Thị Ngọc Tú | Thành viên/ Member | 2/2 | |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/*Supervising the Board of Management by the Board of Directors:*

HĐQT luôn theo dõi sát sao hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Trong 6 tháng đầu năm 2023, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc và có trách nhiệm các chỉ đạo và quy định do HĐQT ban hành.

*The Board of Directors has always monitored closely the activities of the Board of Management, promptly resolve issues arising within the jurisdiction of the BOD to facilitate the activities of the BOM. In first 6 months of 2023, the BOM has taken seriously and be responsible for direction and regulations issued by the BOD.*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/*Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):*

Ủy ban Đầu tư đã họp 1 lần vào ngày 04/04/2023 với nội dung Tổng kết hoạt động đầu tư tài chính của BIC trong năm 2022 và 3 tháng đầu năm 2023 và thảo luận phương hướng hành động trong năm 2023

*The Investment Committee meeting has been held on April 4, 2023 to analyze and assess BIC's Financial Investment Activities in 2022 and 3M2023 and discuss action plan for 2023.*

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo *6 tháng)/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (6 month report):*

| Stt No. | Số Nghị quyết/ Quyết định *Resolution/Decision No.* | Ngày *Date* | Nội dung *Content* | Tỷ lệ thông qua *Approval rate* |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 001/ QĐ-HĐQT | 13/01/2023 | Phê duyệt chủ trương chuyển địa điểm BIC Miền Tây/Approval on the policy of moving BIC Mien Tay office | 100% |
| 2 | 002/ QĐ-HĐQT | 16/01/2023 | Chi thưởng hoàn thành nhiệm vụ năm 2022/Bonus payment for completing business tasks 2022 | 100% |
| 3 | 005/ QĐ-HĐQT | 18/01/2023 | Chi thưởng ban TBH/BOM bobus payment | 100% |
| 4 | 006/ QĐ-HĐQT | 13/02/2023 | Đàm phán lại giá nhận chuyển nhượng vốn góp tại CVI/Renegotiating CVI price | 100% |
| 5 | 007/ NQ-HĐQT | 13/02/2023 | Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023/2023 AGM | 100% |
| 6 | 008/ QĐ-HĐQT | 13/02/2023 | Phân hạng nội bộ CTTV/Branches internal grading | 100% |
| 7 | 009/ QĐ-HĐQT | 13/02/2023 | Xếp loại hoàn thành nhiệm vụ 2022 của BKS và KTNB/BOS and IAD ranking | 100% |
| 8 | 010/ QĐ-HĐQT | 13/02/2023 | Xếp loại hoàn thành nhiệm vụ ban TGĐ/BOM ranking | 100% |
| 9 | 013/ QĐ-HĐQT | 21/02/2023 | Thành lập Ban chỉ đạo thường trực phục vụ công tác kiểm toán/Forming a steering committee to service State audit | 100% |
| 10 | 015/ QĐ-HĐQT | 21/02/2023 | Kéo dài bổ nhiệm/Extension of appointment | 100% |
| 11 | 016/ QĐ-HĐQT | 21/02/2023 | Bổ nhiệm lại/Reappointment of staffs | 100% |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 12 | 018/ QĐ-HĐQT | 22/02/2023 | Ban hành Chính sách ba tuyến bảo vệ trong quản lý rủi ro và danh mục rủi ro trọng yếu/Promulgating 3 defense policies | 100% |
| 13 | 020/ NQ-HĐQT | 3/2/2023 | Nghị quyết Thay đôi NS tham gia BKS VINARE/Changing personel to join Vinare BOS | 100% |
| 14 | 022/ QĐ-HĐQT | 3/10/2023 | Điều động cán bộ/Staff rotaion | 100% |
| 15 | 023/ QĐ-HĐQT | 17/03/2023 | Phê duyệt quyết toán quỹ thu nhập 2023/Approval of income settelement in 2023 | 100% |
| 16 | 024/ QĐ-HĐQT | 17/03/2023 | Ban hành chính sách rủi ro/Promulgating risks policy | 100% |
| 17 | 025/ QĐ-HĐQT | 17/03/2023 | Chi thưởng BĐH 2022, kế hoạch 2023/Payment of 2022 BOM bonus and 2023 plan | 100% |
| 18 | 026/ QĐ-HĐQT | 29/03/2023 | Miễn nhiệm GĐ BIC Sài Gòn/Dismiss of BIC Sai Gon Director | 100% |
| 19 | 027/ QĐ-HĐQT | 29/3/2023 | Phê duyệt chủ trương mở rộng, cải tạo, trang bị CSVC trụ sở BIC Đông Đô/Approval of extension, renovation of BIC Dong Do | 100% |
| 20 | 028/ QĐ-HĐQT | 30/03/2023 | Gia hạn công tác nước ngoài - /Extension of secondment | 100% |
| 21 | 029/ QĐ-HĐQT | 4/5/2023 | Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng mới phòng máy chủ đạt tiêu chuẩn TIA942-Tier 1 tại tầng 12 số 263 Cầu Giấy, Hà Nội/Approval of investing in server room at 263 Cau Giay | 100% |
| 22 | 034/ QĐ-HĐQT | 4/12/2023 | BN Giám đốc BIC Quảng Ngãi/Appointmenf of Quang Ngai Director | 100% |
| 23 | 036/ QĐ-HĐQT | 4/12/2023 | BNL Phó TGĐ /Reappointment of Deputy General Director | 100% |
| 24 | 037/ QĐ-HĐQT | 14/04/2023 | Phê duyệt sử dụng thấu chi và bảo lãnh/Approval of using overdrafts and guarantee | 100% |
| 25 | 039/ QĐ-HĐQT | 18/4/2023 | BN Giám đốc Bắc Tây Nguyên/Appointmenf of Bac Tay Nguyen Director | 100% |
| 26 | 040-041-042/ QĐ-HĐQT | 26/4/2023 | BNL Giám đốc HO/Reappointment of staffs | 100% |
| 27 | 043/ QĐ-HĐQT | 5/5/2023 | Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu "Lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính 2023, 2024, 2025/Approval of contractor selection plan for Independent audit from 2023 to 2025 | 100% |
| 28 | 043.01/ QĐ-HĐQT | 5/5/2023 | Thành lập đoàn kiểm toán nội bộ hoạt động ĐTTC/Forming a internal audit team to audit Financial Investment Division | 100% |
| 29 | 044/ QĐ-HĐQT | 5/5/2023 | Phê duyệt nội dung tại phiên họp HĐQT ngày 05/04/2023/Approval of BOD meeting content on April 5th 2023 | 100% |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 30 | 045/ NQ-HĐQT | 5/12/2023 | Tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ/Recruitment and appointment of staff | 100% |
| 31 | 046/ QĐ-HĐQT | 23/5/2023 | Bổ nhiệm cán bộ/Appointment of staff | 100% |
| 32 | 047/ QĐ-HĐQT | 6/1/2023 | QĐ Quy hoạch Giám đốc toàn hệ thống năm 2023/Directors plan for 2023 | 100% |
| 33 | 048/ QĐ-HĐQT | 6/1/2023 | Cử Cán bộ đi công tác/Sending staff for business trip | 100% |
| 34 | 050/ QĐ-HĐQT | 6/2/2023 | Phê duyệt chủ trương tăng cường nhận diện thương hiệu tại các CN BIDV/Approval on enhancing BIC marketing at BIDV branch | 100% |
| 35 | 051/ QĐ-HĐQT | 6/2/2023 | Phê duyệt quyết toán tài chính LVI 2022/Approval on LVI 2022 financial statement | 100% |
| 36 | 052/ QĐ-HĐQT | 05/06/2023 | Thành lập Đoàn kiểm toán nội bộ tại Công ty bảo hiểm BIDV Sài Gòn/Forming a internal audit team to audit BIDV Sai Gon | 100% |
| 37 | 053/ QĐ-HĐQT | 09/06/2023 | Thay đổi địa chỉ BIC Miền Tây/Changing BIC Mien Tay office | 100% |
| 38 | 054/ QĐ-HĐQT | 09/06/2023 | Thay đổi nhân sự tham gia các đơn vị trong dự án chuyển đổi số hoạt động kinh doanh bảo hiểm/Changing personel to join digital tranformation project | 100% |
| 39 | 055/ QĐ-HĐQT | 15/06/2023 | Kế hoạch kinh doanh CVI/CVI business plan | 100% |
| 40 | 056/ QĐ-HĐQT | 16/06/2023 | Đầu tư trái phiếu /Approval on Bond investment | 100% |
| 41 | 057/ QĐ-HĐQT | 19/06/2023 | Chủ trương đầu tư địa điểm cho CTTV mới tại Hà Nội/Policy on looking for an office for a new branch in Hanoi | 100% |
| 42 | 058/ QĐ-HĐQT | 19/06/2023 | Thôi giao nhiệm vụ cho cán bộ/Stop assigning tasks for staff | 100% |
| 43 | 059/ QĐ-HĐQT | 19/06/2023 | Bổ nhiệm cán bộ/Appoitment of staff | 100% |
| 44 | 060/ QĐ-HĐQT | 19/06/2023 | Bổ nhiệm cán bộ/Appoitment of staff | 100% |
| 45 | 061/ QĐ-HĐQT | 19/06/2023 | Bổ nhiệm cán bộ/Appoitment of staff | 100% |
| 46 | 062/ QĐ-HĐQT | 19/06/2023 | Bổ nhiệm cán bộ/Appoitment of staff | 100% |
| 47 | 063/ QĐ-HĐQT | 22/06/2023 | Cử cán bộ đi công tác /Sending staff for business trip | 100% |
| 48 | 064/ QĐ-HĐQT | 30/06/2023 | Thưởng 6 tháng đầu năm/Bonus for 6 months 2023 | 100% |
| 49 | 065/ QĐ-HĐQT | 30/06/2023 | Phê duyệt đầu tư trái phiếu /Approval on Bond Investment | 100% |

**III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán** (Báo cáo năm)/***Board of Supervisors/Audit Committee*** *(annual report):*

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán/ *Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:*

| Stt *No.* | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán *Members of Board of Supervisors/ Audit Committee* | Chức vụ *Position* | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán *The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee* | Trình độ chuyên môn *Qualification* |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Mrs Lại Ngân Giang | Trưởng Ban/ *Head* | 24/06/2020 | Cử nhân Kế toán Thương mại, Đại học Thương mại/ *Bachelor in Commercial Accounting, University of Commerce* |
| 2 | Mr Đỗ Việt Dũng | Thành viên/ *Member* | 24/06/2020 | Thạc sĩ Kinh tế tài chính ngân hàng, Học viện tài chính/*Master in Banking and Finance Economics, Academy of Finance* |
| 3 | Mrs Nguyễn Thị Thu Thủy (Miễn nhiệm/dismission) | Thành viên/ *Member* | 05/04/2023 | Cử nhân Luật Kinh tế, Đại học Luật Hà Nội/*Bachelor in Economic Law, Hanoi Law University.* |
| 4 | Mr Ravishankar Wickneswaran | Thành viên/ *Member* | 24/06/2020 | Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Trường đại học West London/ MBA, University of West London |
| 5 | Osith Ramanathan | Thành viên/ *Member* | 24/06/2020 | Thạc sĩ Tài chính, Trường kinh doanh London/ Master in Finance, London Business school |
| 6 | Ms Lê Chi Lan | Thành viên/ *Member* | 05/04/2023 | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh quốc tế - đại học quản trị Paris/ International Executive Master of Business Administration |

2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán/*Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee*

| Stt *No.* | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán *Members of Board of Supervisors/ Audit Committee* | Số buổi họp tham dự *Number of meetings attended* | Tỷ lệ tham dự họp *Attendance rate* | Tỷ lệ biểu quyết *Voting rate* | Lý do không tham dự họp *Reasons for absence* |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Mrs Lại Ngân Giang | 01 | 100% | 100% | |
| 2 | Mr Đỗ Việt Dũng | 01 | 100% | 100% | |
| 3 | Mrs Nguyễn Thị Thu Thủy | 01 | 100% | 100% | |
| 4 | Mr Ravishankar Wickneswaran | 01 | 100% | 100% | |
| 5 | Mr Osith Ramanathan | 01 | 100% | 100% | |

3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:*

BKS tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và ĐHĐCĐ, giám sát chặt chẽ hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc chấp hành các quy định của Nhà nước, quy chế quản trị nội bộ, đảm bảo các quyền lợi của cổ đông.

*Board of Supervisory fully participate in meetings of BOD and General Meeting of Shareholders; closely monitor the activities of BOD, BOM in compliance with the regulations of State, internal governance regulations, ensure the rights of shareholders.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/the *coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

HĐQT, Ban điều hành và các đơn vị của BIC đều tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát, thực hiện giải trình cung cấp số liệu, tài liệu cho Ban kiểm soát kịp thời, đầy đủ theo yêu cầu.

*BOD, BOM and all related staffs of BIC created favorable conditions for implementation the mandates of the Board of Supervisory; explained and provided data and documents to Board of Supervisory promptly and fully as thei requirements.*

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any): Không/None*

**IV. Ban điều hành/Board *of Management***

| STT *No.* | Thành viên Ban điều hành/Members *of Board of Management* | Ngày tháng năm sinh *Date of birth* | Trình độ chuyên môn *Qualification* | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ *Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /* |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Mr Trần Hoài An | 05/04/1968 | Thạc sĩ QTKD, định hướng TCNH, Viện Nghiên cứu Kinh tế Tài chính liên kết với Đại học Tài chính Marketing, Đại học HELP Malaysia/ *Master of Business & Administration, oriented to Banking and Finance, Institute of Economic and Financial Research affiliated with University of Finance and Marketing, HELP University, Malaysia* | 01/11/2014 |
| 2 | Mr Trần Trung Tính | 12/02/1974 | Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng, Đại học Kinh tế quốc dân/*Master in Banking and Finance, National Economics University* | 01/10/2008 |
| 3 | Mrs Đoàn Thị Thu Huyền | 30/04/1974 | Thạc sĩ QTKD, Đại học HELP Malaysia/ *Master of of Business & Administration, HELP University, Malaysia* | 01/05/2012 |
| 4 | Mr Vũ Minh Hải | 28/05/1976 | Thạc sĩ Kinh tế, Học viện tài chính/ *Master of Economics, Academy of Finance* | 16/04/2012 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 5 | Mr Huỳnh Quốc Việt | 10/08/1974 | Kỹ sư, chuyên ngành điều khiển tàu biển, Đại học Hàng hải. Cử nhân kinh tế, chuyên ngành QTKD, Đại học Kinh tế TP HCM/ *Engineer in Ship control, Maritime University. Bachelor in Business Administration, University of Economics Ho Chi Minh City* | 01/11/2015 |

**V. Kế toán trưởng/Chief *Accountant***

| Họ và tên *Name* | Ngày tháng năm sinh *Date of birth* | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ *Qualification* | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm *Date of appointment/ dismissal* |
|---|---|---|---|
| 1 | Mrs Nguyễn Thanh Mai | Cử nhân kế toán, Đại học Kinh tế quốc dân/ *Bachelor of Accounting, National Economics University* | 10/04/2018 |

**VI. Đào tạo về quản trị công *ty/Training courses on corporate governance:***

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:Không/None*

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/*The list of affiliated persons of the public company (annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)***

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company*

| STT *No.* | Tên tổ chức/cá nhân *Name of organiza tion/indi vidual* | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)* | Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)* | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue* | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Addres s* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person* | Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person* | Lý do *Reasons* | Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relat ionship with the Compan y* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **1** | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | | | | | 01/01/2006 | | | Cổ đông sáng lập |
| **2** | Công ty Fairfax Asia Limited | | | | | 25/12/2015 | | | Cổ đông chiến lược |
| **3** | Mr Trần Xuân Hoàng | | Chủ tịch HĐQT | | | 19/04/2019 | | | |
| **4** | Ramaswamy Athappan | Chưa mở TK | Phó Chủ tịch HĐQT | | | 29/01/2016 | | | |
| **5** | Trần Hoài An | 002C049999 | Thành viên HĐQT kiêm TGĐ | | | 31/10/2014 | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Gobinath Athappan | Chưa mở TK | Thành viên HĐQT | | | 29/01/2016 | | | |
| 7 | Phạm Thị Vân Khánh | Chưa mở TK | Thành viên HĐQT | | | 29/01/2016 | | | |
| 8 | Nguyễn Thị Ngọc Tú | | Thành viên HĐQT | | | 24/6/2020 | | | |
| 9 | Nguyễn Huy Tựa | Chưa mở TK | Thành viên HĐQT | | | 19/04/2019 | | | |
| 10 | Đặng Thế Vinh | Chưa mở TK | TV HĐQT | | | 19/04/2019 | | | |
| 11 | Trần Trung Tính | 002C100421 | Phó TGĐ | | | | | | |
| 12 | Đoàn Thị Thu Huyền | 002C120871 | Phó TGĐ | | | | | | |
| 13 | Vũ Minh Hải | 002C101769 | Phó TGĐ/Người được ủy quyền CBTT | | | | | | |
| 14 | Huỳnh Quốc Việt | 011C072007 | Phó TGĐ | | | | | | |
| 15 | Lại Ngân Giang | 007C108755 | Trưởng Ban KS | | | | | | |
| 16 | Lê Chi Lan | | Thành viên BKS | | | 5/4/2023 | | | |
| 17 | Đỗ Việt Dũng | | Thành viên BKS | | | 24/06/2020 | | | |
| 18 | Wichneswaran Ravishankar | Không có | Thành viên BKS | | | 24/06/2020 | | | |
| 19 | Osith Ramanathan | Chưa mở TK | Thành viên BKS | | | | | | |
| 20 | Nguyễn Thanh Mai | 002C107694/ 0001037666 | GĐ ban Kế toán/KTT | | | | | | |
| 21 | Nguyễn Thành Trung | 105CA71666 | Người phụ trách quản trị | | | | | | |

*Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate*

*No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organizations).*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons: có/yes. Chi tiết như phụ lục 01 đính kèm/details as per attached appendix 01.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm *soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: không/none.*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting): không/none.*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): không/none.*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: không/none.*

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm)/Share *transactions of internal persons and their affiliated persons (annual report)***

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội *bộ/The list of internal persons and their affiliated persons* công *ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company:* không*/none.*

| STT *No.* | Tên tổ chức/cá nhân *Name of organiza tion/indi vidual* | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)* | Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)* | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue* | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Addres s* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person* | Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person* | Lý do *Reasons* | Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relat ionship with the Compan y* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **1** | Mr Trần Xuân Hoàng | | Chủ tịch HĐQT | | | 19/04/2019 | | | |
| 1.1 | Trần Cửu | Chưa mở TK | | | | | | | Bố đẻ |
| 1.2 | Phạn Thị Bé | Chưa mở TK | | | | | | | Mẹ đẻ |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1.3 | Hoàng Thị Giang Hà | Chưa mở TK | | | | | | | Vợ |
| 1.4 | Trần Hồng Quân | Chưa mở TK | | | | | | | con |
| 1.5 | Trần Hoàng Trâm Anh | Chưa mở TK | | | | | | | con |
| 1.6 | Trần Xuân Ba | Chưa mở TK | | | | | | | Anh trai |
| 1.7 | Trần Xuân Tư | Chưa mở TK | | | | | | | Chị gái |
| 1.8 | Nguyễn Văn Cường | Chưa mở TK | | | | | | | Anh trai |
| 1.9 | Trần Phương Hoài | Chưa mở TK | | | | | | | Anh trai |
| 1.10 | Trần Thị Minh Phượng | Chưa mở TK | | | | | | | Chị gái |
| 1.11 | Trần Thị Kim Hoa | Chưa mở TK | | | | | | | Em gái |
| **2** | Ramaswamy Athappan | Chưa mở TK | Phó Chủ tịch HĐQT | | | | | | |
| 2.1 | Athappan Gobinath Arvind | Chưa mở TK | Thành viên HĐQT | | | | | | Con |
| 2.2 | Nandakumar Athappan | Chưa mở TK | | | | | | | Con |
| **3** | Trần Hoài An | 002C049999 | Thành viên HĐQT kiêm TGĐ | | | | | | |
| 3.1 | Trần Minh Ảnh | Chưa mở TK | | | | | | | Bố đẻ |
| 3.2 | Phan Tú Nữ | Chưa mở TK | | | | | | | Mẹ đẻ |
| 3.3 | Trần Thị Hồng Hạnh | Chưa mở TK | | | | | | | Vợ |
| 3.4 | Trần Huyền Trang | Chưa mở TK | | | | | | | Con |
| 3.5 | Trần Hoài Tân | Chưa mở TK | | | | | | | Con |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3.6 | Trần Hoài Nhơn | Chưa mở TK | | | | | | | Em ruột |
| **4** | Gobinath Athappan | Chưa mở TK | Thành viên HĐQT | | | | | | |
| 4.1 | Ramaswamy Athappan | Chưa mở TK | Phó chủ tịch HĐQT | | | | | | Bố đẻ |
| 4.2 | Nandakumar Athappan | Chưa mở TK | | | | | | | Em trai |
| **5** | Phạm Thị Vân Khánh | Chưa mở TK | Thành viên HĐQT | | | | | | |
| 5.1 | Phạm Thanh San | Chưa mở TK | | | | | | | Bố đẻ |
| 5.2 | Ngô Thị Minh Đăng | Chưa mở TK | | | | | | | Mẹ đẻ |
| 5.3 | Nguyễn Văn Thụ | Chưa mở TK | | | | | | | Chồng |
| 5.4 | Nguyễn Đinh Hoàng Sơn | Chưa mở TK | | | | | | | Con |
| 5.5 | Nguyễn Châu Giang | Chưa mở TK | | | | | | | Con |
| 5.6 | Phạm Thị Thu Hà | Chưa mở TK | | | | | | | Chị gái |
| 5.7 | Phạm Đức Phong | Chưa mở TK | | | | | | | Em trai |
| **6** | Nguyễn Thị Ngọc Tú | | Thành viên HĐQT | | | | | | |
| 6.1 | Nguyễn Vẫn Hữu | | | | | | | | Bố đẻ |
| 6.2 | Đinh Thị Như Ý | | | | | | | | Mẹ đẻ |
| 6.3 | Đinh Quốc Cường | | | | | | | | Chồng |
| 6.4 | Đinh Quốc Anh | | | | | | | | Con trai |
| 6.5 | Đinh Ngọc Tường Vy | | | | | | | | Con gái |
| 6.6 | Nguyễn Minh Tuấn | | | | | | | | Em trai |
| **7** | Nguyễn Huy Tựa | Chưa mở TK | Thành viên HĐQT | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7.1 | Nguyễn Huy Do | Chưa mở TK | | | | | | | Bố đẻ (đã mất) |
| 7.2 | Phạm Thị Nhỡ | Chưa mở TK | | | | | | | Mẹ đẻ (đã mất) |
| 7.3 | Ngô Thị Hoàn | Chưa mở TK | | | | | | | Vợ |
| 7.4 | Nguyễn Huy Tuấn | Chưa mở TK | | | | | | | Con trai (đã mất) |
| 7.5 | Nguyễn Huy Tú | Chưa mở TK | | | | | | | Con trai |
| 7.6 | Nguyễn Huy Lương | Chưa mở TK | | | | | | | Anh trai |
| 7.7 | Nguyễn Thị Tý | Chưa mở TK | | | | | | | Chị gái |
| 7.8 | Nguyễn Thị Dần | Chưa mở TK | | | | | | | Chị gái |
| 7.9 | Nguyễn Thị Bé | Chưa mở TK | | | | | | | Chị gái |
| 7.10 | Nguyễn Thị Mai | Chưa mở TK | | | | | | | Em gái |
| 7.11 | Nguyễn Thị Thành | Chưa mở TK | | | | | | | Em gái |
| **8** | Đặng Thế Vinh | Chưa mở TK | TV HĐQT | | | | | | |
| 8.1 | Đặng Ngọc Anh | Chưa mở TK | | | | | | | Bố đẻ |
| 8.2 | Doãn Thị Sự | Chưa mở TK | | | | | | | Mẹ đẻ |
| 8.3 | Bùi Thúy Hồng | Chưa mở TK | | | | | | | vợ |
| 8.4 | Đặng Tuấn Phương | Chưa mở TK | | | | | | | con trai |
| 8.5 | Đặng Phương Tùng | Chưa mở TK | | | | | | | con trai |
| 8.6 | Đặng Thị Thế | Chưa mở TK | | | | | | | Chị gái |
| 8.7 | Đặng Đình Lộc | Chưa mở TK | | | | | | | Anh trai |
| 8.8 | Đặng Anh Quân | Chưa mở TK | | | | | | | Em trai |
| 8.9 | Đặng Quốc Huy | Chưa mở TK | | | | | | | Em trai |
| 8.10 | Đặng Thị Kim Mai | Chưa mở TK | | | | | | | Em gái |
| **9** | Lê Chi Lan | | Thành viên BKS | | | | 5/4/2023 | | |
| 9.1 | Lê Tiến Hoành | | | | | | | | Bố đẻ |
| 9.2 | Đặng Thị Nga | | | | | | | | Mẹ đẻ |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9.3 | Lê Diệu Linh | | | | | | | | Em gái |
| **10** | Đỗ Việt Dũng | | Thành viên BKS | | | | 24/06/2020 | | |
| 10.1 | Đỗ Ngọc Bốn | Chưa mở TK | | | | | | | Bố đẻ |
| 10.2 | Nguyễn Thị Lan | Chưa mở TK | | | | | | | Mẹ đẻ |
| 10.3 | Đỗ Diễm Hương | Chưa mở TK | | | | | | | Chị gái |
| 10.4 | Nguyễn Thanh Huyền | Chưa mở TK | | | | | | | Vợ |
| 10.5 | Đỗ Hoàng Minh | Chưa mở TK | | | | | | | Con trai |
| 10.6 | Đỗ Nhã Uyên | Chưa mở TK | | | | | | | Chị gái |
| **11** | Wichneswaran Ravishankar | Không có | Thành viên BKS | | | | 24/06/2020 | | |
| 11.1 | Thillainathan Wichneswaran | Không có | | | | | | | Bố |
| 11.2 | Damayanthi Wichneswaran | Không có | | | | | | | Mẹ đẻ |
| 11.3 | Tharshika Ravishankar | Không có | | | | | | | Vợ |
| 11.4 | Aadhav Ravishankar | Không có | | | | | | | Con |
| **12** | Osith Ramanathan | Chưa mở TK | Thành viên BKS | | | | | | |
| 12.1 | Sellapan Ramanathan | Chưa mở TK | | | | | | | Bố đẻ |
| 12.2 | Urmilla Ramanathan | Chưa mở TK | | | | | | | Mẹ đẻ |
| 12.3 | Juthika Ramanathan | Chưa mở TK | | | | | | | Em gái |
| **13** | Trần Trung Tính | 002C100421 | Phó TGĐ | | | | | | |
| 13.1 | Trần Văn Đức | Chưa mở TK | | | | | | | Bố đẻ |
| 13.2 | Trần Thị Mận | Chưa mở TK | | | | | | | Mẹ đẻ |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 13.3 | Nguyễn Thanh Huyền | Chưa mở TK | | | | | | | Vợ |
| 13.4 | Trần Minh | Chưa mở TK | | | | | | | Con |
| 13.5 | Trần Thị Lê Chuyên | Chưa mở TK | | | | | | | Em gái |
| **14** | Đoàn Thị Thu Huyền | 002C120871 | Phó TGĐ | | | | | | |
| 14.1 | Đoàn Mạnh Hiếu | Chưa mở TK | | | | | | | Bố đẻ |
| 14.2 | Nguyễn Thị Tính | Chưa mở TK | | | | | | | Mẹ đẻ |
| 14.3 | Đoàn Đỗ Tuấn | Chưa mở TK | | | | | | | Em trai |
| 14.4 | Ngô Việt Bắc | Chưa mở TK | | | | | | | Chồng |
| 14.5 | Ngô Thu Ngân | Chưa mở TK | | | | | | | Con |
| **15** | Vũ Minh Hải | 002C101769 | Phó TGĐ/Người được ủy quyền CBTT | | | | | | |
| 15.1 | Vũ Đức Phong | Chưa mở TK | | | | | | | Bố đẻ |
| 15.2 | Vũ Thị Kim Kha | Chưa mở TK | | | | | | | Mẹ đẻ |
| 15.3 | Vũ Nhật Minh | Chưa mở TK | | | | | | | Con |
| 15.4 | Vũ Đức Hải | Chưa mở TK | | | | | | | Anh trai |
| **16** | Huỳnh Quốc Việt | 011C072007 | Phó TGĐ | | | | | | |
| 16.1 | Huỳnh Đắc | Chưa mở TK | | | | | | | Bố đẻ |
| 16.2 | Nguyễn Thị Thu Yến | Chưa mở TK | | | | | | | Mẹ đẻ |
| 16.3 | Huỳnh Đăng Khôi | Chưa mở TK | | | | | | | Con |
| 16.4 | Huỳnh Nguyễn Mai Khuê | Chưa mở TK | | | | | | | Con |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 16.5 | Huỳnh Tuấn Kiệt | Chưa mở TK | | | | | | | Anh trai |
| 16.6 | Huỳnh Thị Ánh Nguyệt | Chưa mở TK | | | | | | | Chị gái |
| 16.7 | Huỳnh Quốc Cường | Chưa mở TK | | | | | | | Em trai |
| **17** | Lại Ngân Giang | 007C108755 | Trưởng Ban KS | | | | | | Trưởng BKS |
| 17.1 | Lại Thanh Bình | Chưa mở TK | | | | | | | Bố đẻ |
| 17.2 | Trần Thị Tâm | Chưa mở TK | | | | | | | Mẹ đẻ |
| 17.3 | Ngô Huy Thịnh | Chưa mở TK | | | | | | | Chồng |
| 17.4 | Ngô Ngân Hà | Chưa mở TK | | | | | | | Con |
| 17.5 | Ngô Ngân An | Chưa mở TK | | | | | | | Con |
| 17.6 | Ngô Huy Bảo | Chưa mở TK | | | | | | | Con |
| 17.7 | Lại Thanh Sơn | Chưa mở TK | | | | | | | Anh trai |
| 17.8 | Lại Thanh Thủy | Chưa mở TK | | | | | | | Chị gái |
| **18** | Nguyễn Thanh Mai | 002C107694/ 0001037666 | GĐ ban Kế toán/KTT | | | | | | |
| 18.1 | Nguyễn Hữu Nhân | Chưa mở TK | | | | | | | Bố đẻ |
| 18.2 | Lê Thị Dần | Chưa mở TK | | | | | | | Mẹ đẻ |
| 18.3 | Nguyễn Ngọc Tiến | Chưa mở TK | | | | | | | Chồng |
| 18.4 | Nguyễn Ngọc Anh | Chưa mở TK | | | | | | | Con |
| 18.5 | Nguyễn Linh Nga | Chưa mở TK | | | | | | | Con |
| 18.6 | Nguyễn Thanh Nhàn | Chưa mở TK | | | | | | | Em ruột |
| **19** | Nguyễn Thành Trung | 105CA71666 | Người phụ trách quản trị | | | | | | |
| 19.1 | Nguyễn Thị Thu Trang | 105CL80289 | | | | | | | Vợ |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19.2 | Nguyễn Đình Thành | Chưa mở TK | | | | | | | Bố đẻ |
| 19.3 | Hoàng Thị Nga | Chưa mở TK | | | | | | | Mẹ đẻ |
| 19.4 | Nguyễn Hoàng Hà | Chưa mở TK | | | | | | | chị gái |
| 19.5 | Nguyễn Đình Bảo Long | Chưa mở TK | | | | | | | Con |
| 19.6 | Nguyễn Mai Khôi | Chưa mở TK | | | | | | | Con |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company:* không/*none.*

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues: không/none**

***Nơi nhận:***
***Recipients:***
- Như đề gửi/*as attn.;*
- *Lưu: VT/Archived: ...*

**KT. CHỦ TỊCH HĐQT**
***ON BEHALF OF CHAIRMAN OF THE BOD***

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

**Trần Hoài An**

**Phụ lục 01: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (6th2023)**

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung | Số lượng | Tổng giá trị giao dịch (VND) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *No.* | *Name of organization/individual* | *Relationship with the Company* | *NSH No.*, date of issue, place of issue* | Địa chỉ liên hệ | *Time of transactions with the Company* | *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/* | *Content* | *Quantity* | *Total value of transaction* | *Note* |
| | | | | *Address* | | *Board of Directors* | | | | |
| | | | | | | *(if any, specifying date of issue)* | | | | |
| 1 | Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV) | Công ty mẹ | 84/GP-NHNN - 23/04/2012 - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Tháp BIDV, số 194 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. | 6 tháng đầu năm 2023 | Nghị quyết số 101/NQ-HĐQT ngày 15/12/2021 về phân cấp thẩm quyền; NQ-HĐQT ngày 26/2/2014 phê duyệt hợp đồng đại lý bảo hiểm với BIDV | Doanh thu phí bảo hiểm gốc | | 140.497.512.717 | |
| | | | | | | | Chi phí bồi thường | | (1.959.948.978) | |
| | | | | | | | Chi phí hoa hồng | | (428.912.729.128) | |
| | | | | | | | Doanh thu từ hoạt động tiền gửi | | 126.662.520.348 | |
| | | | | | | | Chi phí thuê văn phòng | | (5.867.613.998) | |
| | | | | | | | Phí ngân hàng | | (1.030.601.374) | |
| | | | | | | | Chi phí dịch vụ CNTT | | (1.820.558.279) | |
| | | | | | | | Số dư tiền gửi thanh toán (VND) | | 36.277.701.745 | |
| | | | | | | | Số dư tiền gửi thanh toán (Ngoại tệ) | | 35.136.487.287 | |
| | | | | | | | Đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tại BIDV | | 3.667.750.000.000 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng | | 61.111.520.517 | |
| | | | | | | | Phải thu lãi tiền gửi | | 127.469.745.212 | |
| | | | | | | | Phải thu phí bảo hiểm gốc | | 430.516.149 | |
| | | | | | | | Ký quỹ bảo hiểm tại BIDV | | 10.000.000.000 | |
| | | | | | | | Các khoản phong tỏa tài khoản ngân hàng | | 28.931.110 | |
| | | | | | | | Phải trả hoa hồng bảo hiểm | | (25.304.086.801) | |
| | | | | | | | Phải trả tiền thuê văn phòng | | (2.435.219.746) | |
| 2 | Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST | Công ty con của BIDV | 0100777569 - 19/05/2017 - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh | tầng 20, tháp A, Vincom, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 6 tháng đầu năm 2023 | Nghị quyết số 101/NQ-HĐQT ngày 15/12/2021 về phân cấp thẩm quyền | Doanh thu phí bảo hiểm gốc | | 461.100.100 | |
| | | | | | | | Chi bồi thường bảo hiểm | | (550.808.600) | |
| | | | | | | | Doanh thu từ hoạt động tiền gửi | | 420.515.069 | |
| | | | | | | | Phải thu phí bảo hiểm gốc | | 610.501.560 | |
| | | | | | | | Tiền gửi có kỳ hạn | | 16.000.000.000 | |
| | | | | | | | Phải thu lãi tiền gửi | | 1.082.652.055 | |
| | | | | | | | Phải trả hoa hồng bảo hiểm | | 0 | |
| 3 | Công ty CP Chứng khoán BIDV (BSC) | Công ty con của BIDV | 111/GP-UBCK - 31/12/2010 - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | Tầng 8, tầng 9, tòa nhà ThaiHoldings, số 210 Trần Quang Khải, | 6 tháng đầu năm 2023 | Nghị quyết số 101/NQ-HĐQT ngày 15/12/2021 về phân cấp thẩm quyền | Doanh thu phí bảo hiểm gốc | | 1.406.956.689 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội | | | | | | |
| 4 | Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC) | Công ty con của BIDV | B7.09.148 - 14/08/2009 - Ngân hàng Quốc gia Campuchia | No 235, 00855 Preah Norodom Blvd (41), Phnom Penh, Campuchia. | 6 tháng đầu năm 2023 | Nghị quyết số 101/NQ-HĐQT ngày 15/12/2021 về phân cấp thẩm quyền | Doanh thu phí bảo hiểm gốc | | 309.206.776 | |
| | | | | | | | Doanh thu từ hoạt động tiền gửi | | 3.605.616.139 | |
| | | | | | | | Chi bồi thường bảo hiểm | | 0 | |
| | | | | | | | Tiền gửi có kỳ hạn | | 87.500.000.000 | |
| | | | | | | | Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn | | 2.679.175.343 | |